TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2024/DS-ST
Ngày: 01-02-2024
V/c "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Hinh;

Ông Phan Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Hoàng Tuấn – Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa:* Bà My La – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969; địa chỉ: thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thanh D, sinh năm: 1967; địa chỉ: đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Văn bản ủy quyền ngày 29/3/2023.

Bị đơn: ông K' M, bà Ka D; địa chỉ: thôn B, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện nguyên đơn ông Lê Thanh D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông K' M, bà Ka D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Lê Thanh D trình bày thì: Bà H và vợ chồng ông K' M, bà Ka D quen biết nhau ngoài xã hội. Quá trình quen biết thì vợ chồng ông K' M, bà Ka D có vay của bà H nhiều lần tiền vào năm 2018 nhưng chưa trả. Đến ngày 01/01/2019 vợ chồng ông K' M, bà Ka D viết giấy xác nhận nợ trong đó vợ chồng ông K' M, bà Ka D thừa nhận còn nợ bà H số tiền 1.040.612.000 đồng. Sau khi viết giấy nhận nợ ghi ngày 01/01/2019 thì các giấy vay tiền trước đó các bên đã xé bỏ nên không còn. Khi ông K' M, bà Ka D viết giấy nhận nợ ghi ngày 01/01/2019 thì hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ trong giấy nhận nợ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Chữ viết trong giấy nhận nợ ghi ngày 01/01/2019 là chữ viết, chữ ký của ông K' M, bà Ka D ký ghi họ tên. Chữ *"Báp Minh"* tên người đồng bào gọi là bố của con tên Minh (ông K' M là bố của người con tên Minh), chữ *"Ka D mẹ Minh"* (bà Ka D là mẹ của người con tên Minh).

Khi cần tiền, bà H nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông K' M, bà Ka D phải trả nợ nhưng vợ chồng ông K' M, bà Ka D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến nay chưa trả đồng nào cho bà H.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông K' M, bà Ka D có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền là 1.990.690.745 (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 1.040.612.000 đồng, tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2019 tạm tính đến ngày 02/8/2023 là 55 tháng với mức lãi suất 1,66%/tháng = 950.078.745 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh với mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo bản tự khai ghi ngày 21/6/2023 của ông K' Môi, bà Ka Dếs thì:

Ông, bà có quen biết bà H, là chủ đại lý phân bón ở xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Từ năm 2017, mỗi năm vợ chồng ông, bà có mua phân bón của bà H, có năm trả đủ tiền, có năm trả thiếu tiền và còn nợ tiền của bà H nhưng các giấy tờ, sổ sách do bà H ghi và giữ nên ông, bà không biết còn nợ bà H bao nhiêu tiền. Ngoài ra vợ chồng ông, bà còn vay nhiều lần tiền của bà H, lần thì vay 2.000.000 đồng, lần thì vay 5.000.000 đồng và mỗi lần vay đều do bà H ghi sổ. Vợ chồng ông, bà không biết nợ bà H bao nhiêu tiền.

Giấy nhận nợ mà bà H cung cấp cho Tòa án, số tiền vợ chồng ông, bà nợ là 1.040.612.000 đồng là không đúng. Giấy nhận nợ này do bà H viết rồi đưa lên nhà cho vợ chồng ông, bà ký. Khi ký giấy nhận nợ ngày 01/01/2019 thì bà Ka D không có ở nhà. Bà H yêu cầu ông K' M ký thì ông ký mà không đọc lại nội dung. Ông thừa nhận chữ ký ghi họ tên K' M là của ông. Bà Ka D không thừa nhận chữ

ký D trong giấy nhận nợ không phải là của bà vì lúc này bà đang ở thành phố Đà Lạt.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà trả số tiền 1.977.162.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 1.040.612.000 đồng, tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2023 là 936.550.000 đồng) thì vợ chồng ông, bà không đồng ý vì thực tế vợ chồng ông, bà không nợ nhiều như thế.

Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên hòa giải; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông K' M, bà Ka D nhưng ông K' M, bà Ka D không đến Tòa làm việc nên không tiến hành hòa giải được.

Ngày 31/01/2024 đại diện nguyên đơn có đơn trình bày: Trước đây nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông K' M, bà Ka D trả số tiền 1.977.162.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 1.040.612.000 đồng, tiền nợ lãi là 936.550.000 đồng) nhưng do mức lãi suất ghi không rõ ràng nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.040.612.000 đồng, không yêu cầu trả lãi và không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông K' M, bà Ka D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng bị đơn là bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, buộc bị đơn ông K' M, bà Ka D có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà H số tiền nợ gốc chưa trả là 1.040.612.000 đồng.

Về án phí: Buộc ông K' M, bà Ka D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán; hoàn trả cho bà Hiên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông K’ M, bà Ka D thanh toán nợ vay nên xác định quan hệ tranh chấp là *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, bị đơn ông K’ M, bà Ka D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K’ M, bà Ka D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Đối với yêu cầu của bà H buộc ông K’ M, bà Ka D trả nợ gốc thì thấy rằng: Theo giấy nhận nợ ghi ngày 01/01/2019 thì ông K’ M, bà Ka D còn nợ bà H số tiền nợ gốc là 1.040.612.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả. Khi cần tiền bà H nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông K’ M, bà Ka D thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông K’ M, bà Ka D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà H yêu cầu K’ M, bà Ka D trả số tiền nợ gốc chưa trả là 1.040.612.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông K’ M, bà Ka D thừa nhận có vay tiền và mua phân bón của bà H nhưng chưa trả hết và cũng không xác định được còn nợ bà H bao nhiêu tiền. Mặc dù bà Ka D không thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ ghi ngày 01/01/2019 là của bà nhưng ông K’ M và bà Ka D đều thừa nhận có mua phân bón nhiều năm và vay tiền của bà H nhiều lần nên xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông K’ M, bà Ka D. Đến ngày 01/01/2019 thì ông K’ M thừa nhận có ký giấy nhận nợ với bà H, theo đó vợ chồng ông K’ M còn nợ bà H số tiền 1.040.612.000 đồng nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, vợ chồng ông K’ M, bà Ka D không đến Tòa làm việc, không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho bà H nên yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu vợ chồng ông K’ M, bà Ka D có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc là 1.040.612.000 đồng là cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả lãi của bà H thì thấy rằng: Giấy nhận nợ ghi ngày 01/01/2019 thể hiện ông K’ M, bà Ka D vay của bà H số tiền 1.040.612.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi suất ghi *“2%5”*. Trong quá trình giải quyết vụ án, tiền nợ lãi tính từ ngày 0/01/2019 tạm tính đến ngày 02/8/2023 là 55 tháng với mức lãi suất 1,66%/tháng = 950.078.745 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh với mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngày 31/01/2024 nguyên đơn có đơn trình bày: do lãi suất ghi trong giấy nhận nợ không rõ ràng nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.040.612.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, không yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; buộc ông K' M, bà Ka D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc chưa trả là 1.040.612.000 đồng.

[4] Về án phí: ông K' M, bà Ka D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự tài sản"* đối với ông K' M, bà Ka D, xử:

1. Buộc ông ông K' M, bà Ka D có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.040.612.000 *(một tỷ không trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười hai nghìn)* đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông K' M, bà Ka D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông K' M, bà Ka D phải chịu 21.609.180 *(hai mươi mốt triệu sáu trăm linh chín nghìn một trăm tám mươi)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 35.657.430 *(ba mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi)* đồng tạm ứng án phí dân sơ thẩm

mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0013976 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà H; bị đơn ông K' M, bà Ka D vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 *(mười lăm)* ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đoàn Văn Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Phương – Nguyễn Xuân Hinh **Đoàn Văn Chiến**